

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169/2022/DS-PT.**

Ngày: 30/11/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Thái Thị Thanh Bình.

Bà Vũ Thị Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2022/QĐ-PT ngày 25/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 345/2022/QĐ-PT ngày 15/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: X1 Trần H, quận H1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP V Đồng Nai, số Z1, HĐV, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền số 367/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 09/3/2022 - Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Phùng Thị Thanh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: X2, khu phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số Y, lô Z22, KDC A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai. (Có mặt)

2. Ông Phan Nhật H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số Y, lô Z22, KDC A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: X2, khu phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số Y, lô Z22, KDC A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phùng Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V trình bày: Theo hợp đồng số 1600461632/2015-HĐTD/NHCT680 ngày 16/12/2015, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Đồng Nai có cho bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H vay số tiền 2.100.000.000đ, thời hạn cho vay là 240 tháng, ngày giải ngân 16/12/2015. Theo hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng và bà T, ông H có thỏa thuận như sau:

+ Bên vay được tham gia chương trình 10.000 tỷ ưu đãi lãi vay theo công văn số 11179 ngày 30/9/2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng V.

+ Lãi suất vay ưu đãi là 7,2%/năm

+ Thời gian ưu đãi: Tối đa 12 tháng đối với mỗi giấy nhận nợ.

+ Điều khoản thỏa thuận: Trường hợp bên vay trả nợ trước hạn 01 phần hoặc toàn bộ khoản vay trong vòng 36 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, bên cho vay sẽ thực hiện thu hồi lãi suất ưu đãi của khách hàng.

Ngân hàng đã thực hiện đúng lãi suất ưu đãi kể từ ngày giải ngân 16/12/2015.

Kể từ ngày thanh toán nợ từ tháng 02/2017, khi không còn áp dụng lãi suất ưu đãi, bà T và ông H thanh toán nợ trước hạn cho đến ngày 23/3/2018 thì tất toán hết khoản vay. Bên vay thanh toán nợ trước 36 tháng nên thuộc trường hợp không được hưởng ưu đãi theo như đã ký kết tại hợp đồng tín dụng.

Do bà T, ông H đã thanh toán nợ trước 36 tháng, vi phạm thỏa thuận lãi suất ưu đãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T, ông H phải thanh toán lại khoản lãi suất ưu đãi như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Buộc bà T và ông H phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 61.503.750đ (sáu mươi một triệu năm trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Bị đơn bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vì hợp đồng đã được thanh lý xong và đến tháng 13 bà T và ông H có trả trước nhưng Ngân hàng chỉ thu phí phạt,

không thông báo đến việc thu hồi lãi suất ưu đãi.

Tại bản án sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, khoản 1 Điều 207, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

2. Buộc bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 61.503.750đ (sáu mươi một triệu năm trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải có nghĩa vụ nộp 3.075.187 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.538.000 đồng (một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn) theo biên lai thu số 0000323 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/7/2022, bị đơn bà Phùng Thị Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 61.503.750 đồng là có căn cứ pháp luật, yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Thanh T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[2] Về yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Theo đơn kháng cáo, bà Phùng Thị Thanh T cho rằng ngày 15/7/2022, Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án bà không được thông báo để có mặt tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐ-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã được niêm yết tại nơi cư trú của bà T, Ủy ban nhân dân phường A và Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo đúng trình tự, thủ tục quy định (BL 129-136). Mặt khác, bà Phùng Thị Thanh T cũng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (BL 111). Do đó, việc bà T cho rằng bà không được thông báo để có mặt tham gia phiên tòa là không có cơ sở.

[2.2] Về nội dung tranh chấp: Theo hợp đồng số 1600461632/2015-HĐTD/NHCT680 ngày 16/12/2015, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Đồng Nai có cho bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H vay số tiền 2.100.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 240 tháng, ngày giải ngân 16/12/2015.

Cũng theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận:

+ Bên vay được tham gia chương trình 10.000 tỷ ưu đãi lãi vay theo công văn số 11179 ngày 30/9/2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng V.

+ Lãi suất vay ưu đãi là 7,2%/năm

+ Thời gian ưu đãi: Tối đa 12 tháng đối với mỗi giấy nhận nợ.

+ Điều khoản thỏa thuận: Trường hợp bên vay trả nợ trước hạn 01 phần hoặc toàn bộ khoản vay trong vòng 36 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, bên cho vay sẽ thực hiện thu hồi lãi suất ưu đãi của khách hàng.

Kể từ ngày thanh toán nợ từ tháng 02/2017, khi không còn áp dụng lãi suất ưu đãi, bà T và ông H thanh toán nợ trước hạn cho đến ngày 23/3/2018 thì tất toán hết khoản vay.

Như vậy, bà T và ông H đã vi phạm là trả trước toàn bộ khoản vay trong vòng 36 tháng kể từ ngày giải ngân và đã trả trước thời hạn 213 tháng so với hợp đồng (240 tháng – 27 tháng = 213 tháng). Số tiền trả trước hạn là: Nợ gốc hàng tháng phải trả là 8.750.000đ x 213 tháng = 1.863.750.000 đồng. Sàn lãi suất cho vay của Ngân hàng là 10.5%/năm, lãi suất cho vay ưu đãi là 7,2%/năm.

Do đó, việc Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải trả lại lãi suất ưu đãi số tiền 61.503.750 đồng [(10.5% - 7,2%) x 1.863.750.000đ] là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải có nghĩa

vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 61.503.750 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 61.503.750 đồng được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải chịu 3.075.187 đồng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Thanh T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Phùng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V:

Buộc bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 61.503.750đ (sáu mươi một triệu năm trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí : Bà Phùng Thị Thanh T và ông Phan Nhật H phải chịu 3.075.187 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phùng Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Phùng Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0003726 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được trừ vào tiền án phí bà T phải nộp.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.538.000 đồng (một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000323 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Biên Hoà;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hoà;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Bá Nhu